

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG, KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN VÀO LAM VỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HƯNG YÊN, NĂM HỌC 2025-2026**  
*(Kèm theo Quyết định số 1040/SGDDĐT-CGB ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Vị trí việc làm: Giáo viên trung học cơ sở hạng III

Tổng số: 583 Phiếu

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển			Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển					Xét nguyện vọng 1	Xét nguyện vọng 2	Ghi chú		
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng/diplôme)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi chuyên ngành vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ	Điểm ưu tiên	Diễn giải				Tổng điểm	
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS	Các trường THCS											Khối THCS trong các trường THPT và THCS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	CS0001	Bùi Thị Phương Anh	28/12/2003	Cử nhân	Sư phạm tin học	Sư phạm tin học	Khá	SP	Phường Trà Lý			Xã Hồng Minh	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	57	28	66,00	5	Con Thương binh	71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
2	CS0002	Cao Ngọc Anh	21/01/1996	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	SP	xã Tân Tiến		xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	37	27	45,00			45,00	Không đủ điều kiện		
3	CS0003	Dương Thị Phương Anh	12/9/2003	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng anh	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Vũ Tiên		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	50	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
4	CS0004	Đàm Phương Anh	25/2/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu		xã Minh Thọ (Không có chi tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	48	21	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
5	CS0005	Đình Thị Hương Anh	13/2/1988	Cử nhân	SP Toán học	SP Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	51	28	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
6	CS0006	Hà Kim Anh	03/10/2003	Đại học	sinh học	sư phạm Sinh học	Khá	SP		xã Đông Tiến Hải		xã Trà Giang	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	51	26	69,00			69,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Đông Tiến Hải - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
7	CS0007	Hoàng Thị Lan Anh	04/12/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	29	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
8	CS0008	Hoàng Thị Lan Anh	28/12/2003	Đại học	Sư phạm Hoá học	Hoá học	Giỏi	SP	Xã Hưng Hà		Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	57	27	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Bắc Tiên Hưng - Khoa học tự nhiên - Hóa học	
9	CS0009	Hoàng Thị Vân Anh	06/01/2003	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Nam Tiến Hải		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
10	CS0010	Lê Đức Anh	17/08/1988	Đại học	CNTT	CNTT	TB	Khác	Xã Long Hưng		Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	34	17	38,00			38,00	Không đủ điều kiện		
11	CS0011	Nguyễn Hải Anh	06/04/2000	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	Khác	Xã Nam Cường			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
12	CS0012	Nguyễn Thị Lan Anh	09/12/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Quỳnh An			Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	29	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
13	CS0013	Nguyễn Thị Lan Anh	09/3/2002	Đại học	Sư phạm Hóa học (chất lượng cao)	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Nam Thái Ninh		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	54	30	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
14	CS0014	Nguyễn Thị Vân Anh	21/1/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Phụ Dực			Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	29	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
15	CS0015	Phạm Thị Vân Anh	8/7/1999	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	30	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Bắc Đông Quan - Ngữ văn		
16	CS0016	Phạm Thị Vân Anh	21/07/2000	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Xã Hưng Phú			Xã Nam Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
17	CS0017	Trịnh Thị Vân Anh	18/04/1986	Đại học	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	60	30	87,00			87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
18	CS0018	Vũ Thị Hà Anh	12/12/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	79,00	5	Con bệnh binh loại 2, mất sức lao động 62%	84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
19	CS0019	Vũ Thị Kim Anh	03/12/1983	Cử nhân, Cử nhân	Tiếng Nga sư phạm; Tiếng Anh	Tiếng Nga sư phạm; Tiếng Anh	Khá; TB khá	Khác	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
20	CS0020	Vũ Thị Phương Anh	25/4/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	28	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
21	CS0021	Lã Thị Ngọc Ánh	15/02/1999	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Xuất Sắc	SP	Xã Nam Đông Hưng			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Đông Hưng - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		

CÔNG

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
22	CS0022	Lê Thị Ánh	15/8/1988	Cư nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Giỏi	SP		Xã Nam Thái Ninh		Xã Thái Thụy	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	58	21	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Nam Thái Ninh - Giáo dục công dân		
23	CS0023	Nguyễn Thị Ánh	03/01/1995	Đại học	Sư phạm hoá học	Sư phạm hoá học	Giỏi	SP	Xã Hưng Hà		Xã Bắc Tiền Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	56	26	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Hưng Hà - Khoa học tự nhiên - Hóa học			
24	CS0024	Phạm Thị Ánh	14/04/2002	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Vạn Xuân (Không có chỉ tiêu)		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	23	55,00			55,00	Không xét NV1	Không trúng tuyển NV2		
25	CS0025	Trần Ngọc Ánh	01/03/1985	Đại học	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	58	24	71,00	5	Con đẻ người nhiễm chất độc hóa học	76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
26	CS0026	Vũ Minh Ánh	26/6/1995	Đại học	Truyền thông và mạng máy tính	Truyền thông và mạng máy tính	Khá	Khác	Xã Long Hưng			Xã Tiên La	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	46	26	48,00	5	Con thương binh (bệnh binh hạng 2/3, mất sức 21%); Dân tộc Tày	53,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
27	CS0027	Vũ Thị Ân	20/1/1987	Cư nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Nam Tiên Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
28	CS0028	Đoàn Thị Bắc	10/9/1989	Cư nhân	Sư phạm Kỹ thuật	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	SP	Xã Thư Vũ		Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	47	21	46,00			46,00	Không đủ điều kiện			
29	CS0029	Trần Thị Bắc	08/01/1985	Đại học	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm	Trung bình khá	SP	Xã Vũ Thư		Phường Trần Hưng Đạo	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	56	27	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Thư - Công nghệ			
30	CS0030	Vũ Thị Bắc	8/8/1984	Đại học	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Khá	SP	Phường Trà Lý		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	49	24	65,00	5	Con thương binh	70,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Tân Tiến - Tin học		
31	CS0031	Bùi Thọ Bằng	22/12/2002	Cư nhân	Sư phạm lịch sử	Sư phạm lịch sử	Khá	SP	Xã Đông Hưng		Phường Trà Lý	Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Lịch sử))	48	24	66,00			66,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Hưng - Lịch sử và Địa lý - Lịch sử			
32	CS0032	Nguyễn Thị Bằng	10/8/1989	Cư nhân	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Giỏi	SP	Phường Trà Lý		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	59	23	85,00			85,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trà Lý - Tin học			
33	CS0033	Vũ Thị Bảy	25/02/1983	Cư nhân	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Trung Bình	Khác	Xã Nam Đông Hưng		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	47	Miễn thi	63,00			63,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
34	CS0034	Hoàng Thị Ngọc Bích	4/5/1983	Cư nhân	Cư nhân Văn học	Cư nhân Văn học	Khá	Khác	Xã Tân Tiến		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	46	19	69,00	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
35	CS0035	Phạm Thị Bích	29/9/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng	Xã Nam Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	24	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
36	CS0036	Bùi Thanh Bình	14/7/1988	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Ngự Thiên		Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	18	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
37	CS0037	Hoàng Thị Bình	12/7/1988	Cư nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Phường Vũ Phúc		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	47	18	58,00			58,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Vũ Phúc - Giáo dục công dân	Không xét NV2	
38	CS0038	Nguyễn Thanh Bình	23/06/1989	Đại học	Cư nhân Ngữ Văn	Cư nhân Ngữ Văn	TB Khá	Khác	xã Tân Tiến		xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	22	66,00	5	Con Thương binh	71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
39	CS0039	Nguyễn Thị Hải Bình	20/8/2003	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Đông Bằng		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	29	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
40	CS0040	Phạm Thị Bình	22/5/1988	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	28	75,00	5	Con đẻ bệnh binh suy giảm khả năng lao động 61-70%	80,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Bắc Đông Quan - Ngữ văn		
41	CS0041	Phùng Văn Bình	19/09/1991	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	27	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
42	CS0042	Vũ Thị Thanh Bình	06/10/1996	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Đông Tiên Hải	Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	28	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		

HÒA X  
GIÁ  
ĐÀ  
TỈNH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Số phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghệ thuật chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
43	CS0043	Lê Thị Bưởi	07/07/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP		Xã Diên Hà	Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	29	76,00	5	Con bệnh binh 2/3, mắt sức lao động 61%	81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
44	CS0044	Trần Thị Bưởi	24/06/2002	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Khá	SP		xã Bình Định		xã Bình Thanh	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	49	29	62,00			62,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bình Định - Khoa học tự nhiên - Vật lý		
45	CS0045	Phạm Thị Kim Cúc	21/08/1993	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		xã Nguyễn Du	xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	50	20	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
46	CS0046	Đoàn Thị Cường	13/3/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Bắc Tiên Hưng			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	27	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
47	CS0047	Lương Mạnh Cường	14/2/1988	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Xã Quỳnh An			Xã Thư Vũ	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	48	23	61,00			61,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Quỳnh An - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
48	CS0048	Nguyễn Mạnh Cường	2/2/1990	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Thái Bình		Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	21	87,00			87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
49	CS0049	Phạm Thị Chái	14/2/1985	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Giỏi	SP	Xã Vũ Tiên			Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	54	27	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Âm nhạc		
50	CS0050	Đinh Thị Chang	2/4/1990	Cử nhân	Ngữ văn	Ngữ văn	Khá	Khác	Xã Bắc Đông Quan			Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	29	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
51	CS0051	Bùi Thị Chi	25/10/1990	Cử nhân sư phạm Toán học	Cử nhân khoa học hệ chính quy	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	26	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
52	CS0052	Hoàng Nguyễn Phương Chi	06/12/2003	Cử nhân	Sư phạm hoá học	Sư phạm hoá học	Giỏi	SP	Xã Tân Thuận			Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	56	29	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Vũ Thư - Khoa học tự nhiên - Hóa học	
53	CS0053	Lê Thị Chi	14/6/1992	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Bắc Đông Quan			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	26	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
54	CS0054	Phạm Linh Chi	22/08/1996	cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	SP	xã Tân Tiến		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	28	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
55	CS0055	Trần Thị Linh Chi	13/7/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	29	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
56	CS0056	Vũ Thị Chín	25/03/1986	Đại học	Cử nhân Văn học	Văn học	Giỏi	Khác	xã Minh Thọ			xã Đông Bằng (Không có chi tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	24	69,00	5	Con bệnh binh 2/3 (61%)	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
57	CS0057	Bùi Thị Chính	04/07/1995	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Quỳnh An			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	25	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
58	CS0058	Nguyễn Thị Chính	31/05/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Giỏi	SP	Xã Vạn Xuân			Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	28	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
59	CS0059	Bùi Văn Chính	19/2/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP		Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	29	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
60	CS0060	Nguyễn Thị Chung	26/02/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán Lý	Sư phạm Toán Lý	Khá	SP	Xã Thư Trì			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Thư Trì - Toán		
61	CS0061	Trương Thị Dệt	8/7/1992	Đại học	Sư phạm Toán học - vật lý	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Tiến Hải			Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	23	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
62	CS0062	Chu Thị Diệp	13/4/1984	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
63	CS0063	Phạm Thị Đình	3/1/1987	Đại học	Sư phạm Kĩ thuật	Sư phạm Kĩ thuật	Khá	SP		Xã Thái Ninh	Phường Thái Bình		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	54	26	79,00			79,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Thái Ninh - Công nghệ		
64	CS0064	Phạm Thị Đình	8/4/1987	Cử nhân	SP Kĩ thuật Công nghiệp	SP Kĩ thuật Công nghiệp	Khá	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	55	26	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Công nghệ		
65	CS0065	Nguyễn Thị Diu	24/04/1992	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng anh	Trung bình	SP	Xã Nam Tiến Hải			Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	47	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

H.C.A  
SỞ  
Đ DƯ  
VÀ  
Đ TẠ  
LƯNG

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghề vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
66	CS0066	Vũ Thị Doan	25/2/1989	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP		Xã Tân Tiến		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	50	24	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
67	CS0067	Đỗ Thị Thủy Dung	16/5/2003	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP		Xã Minh Thọ	Xã Nam Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
68	CS0068	Lại Thị Thủy Dung	7/3/1999	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Nam Tiên Hưng			Xã Đông Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiên Hưng - Toán		
69	CS0069	Ngô Thị Thủy Dung	17/9/1992	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	29	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tiên Hưng - Ngữ văn		
70	CS0070	Nguyễn Thị Dung	26/10/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Toán		
71	CS0071	Nguyễn Thị Dung	25/7/1986	Cử nhân	Cử nhân Toán học	Toán học	Giỏi	Khác		Xã Minh Thọ		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	51	29	Vắng		Con thương binh hạng 4/4	Vắng	Không đủ điều kiện		
72	CS0072	Phan Thị Cẩm Dung	04/01/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Thư Trì		Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	23	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
73	CS0073	Vũ Thị Dung	16/05/1997	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP	Xã Đông Châu		Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	27	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
74	CS0074	Vũ Thị Kim Dung	11/02/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán - Tin	Toán - Tin	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	29	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
75	CS0075	Nguyễn Thị Duyên	1/10/1977	Đại học	Cử nhân ngoại ngữ	Tiếng anh	Trung bình khá	Khác		Xã Hưng Phú	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
76	CS0076	Phạm Thị Duyên	10/12/1979	Đại học	cử nhân sư phạm ngoại ngữ	Tiếng anh sư phạm	Trung bình khá	SP	Xã Hưng Phú		Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	43	Miễn thi	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
77	CS0077	Phạm Thị Mĩ Duyên	19/3/1998	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Xã Nam Đông Hưng			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
78	CS0078	Trần Thị Duyên	11/4/1991	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Giỏi	SP		Xã Vũ Tiên	Phường Trần Hưng Đạo		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	57	29	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vũ Tiên - Khoa học tự nhiên - Vật lý		
79	CS0079	Trần Thị Hồng Duyên	14/9/1985	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Xã Vũ Tiên		phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	57	30	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Giáo dục công dân		
80	CS0080	Vũ Thị Hà Duyên	7/10/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Thái Bình	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	30	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
81	CS0081	Phạm Thị Ánh Dương	2/8/2003	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Vật lý	Khá	SP	Xã Ngự Thiên		Xã Thần Khê (không có chỉ tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	51	22	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
82	CS0082	Phan Thị Thủy Dương	21/7/1995	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	21	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
83	CS0083	Trần Văn Dương	28/10/1981	Cử nhân	Toán-Tin Ứng dụng	Toán-Tin Ứng dụng	TB khá	Khác		Xã Vũ Thư		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	46	26	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
84	CS0084	Nguyễn Hữu Đan	27/04/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	29	85,00			85,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
85	CS0085	Nguyễn Anh Đào	1/8/1978	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Trung bình	SP	Xã Hưng Phú		Xã Nam Tiên Hải		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	61,00			61,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Hưng Phú - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
86	CS0086	Nguyễn Thị Đào	12/6/1975	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Trung bình	SP	Xã Nam Tiên Hải		Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	47	Miễn thi	44,00			44,00	Không đủ điều kiện		
87	CS0087	Vũ Thị Đào	29/08/1990	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	22	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Số phạm	Đợt vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 1	Điểm môn nghệ vụ chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
88	CS0088	Vũ Thị Dềm	20/6/1988	Cư nhân	Cư nhân văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	28	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
89	CS0089	Phạm Thị Minh Đoàn	23/3/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	28	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Quỳnh An - Toán		
90	CS0090	Đỗ Văn Đông	20/12/1991	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Khá	Khác		Xã Tân Thuận		Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	56	23	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
91	CS0091	Lê Thị Phương Đông	29/03/1995	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Đông Tiên Hưng		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	21	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
92	CS0092	Phạm Văn Đức	30/6/1986	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP		Phường Thái Bình	Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	27	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
93	CS0093	Chu Thị Gái	9/6/1991	Đại học	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
94	CS0094	Đặng Thị Hồng Gấm	05/12/1994	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	21	53,00			53,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
95	CS0095	Phạm Thị Hồng Gấm	12/12/1988	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP		Xã Phú Dục	Xã Phú Dục		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	30	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Phú Dục - Toán		
96	CS0096	Chu Hương Giang	12/04/2001	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	Miễn thi	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
97	CS0097	Lương Thị Hương Giang	24/4/2003	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Tân Tiến		Xã Ngự Thiên		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	30	81,00			81,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Tân Tiến - Ngữ văn		
98	CS0098	Nguyễn Thị Hà Giang	16/8/1994	Cư nhân	Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Diên Hà - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
99	CS0099	Nguyễn Thị Xuân Giang	6/3/2002	Đại học	Sư phạm Hóa học (chất lượng cao)	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP		Xã Trà Giang		Xã Bình Nguyễn	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	56	29	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Trà Giang - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
100	CS0100	Đoàn Ngân Hà	23/7/2001	Đại học	Cư nhân văn học	Văn học	Giỏi	Khác	Xã Ngự Thiên		Xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	28	61,00			61,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
101	CS0101	Đỗ Thị Hà	05/01/1986	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP	xã Tân Tiến		xã Phú Dục		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	27	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Tân Tiến - Ngữ văn		
102	CS0102	Đỗ Thị Hà	06/07/1998	Cư nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Giỏi	SP		Xã Minh Thọ		Xã Phú Dục	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	52	25	58,00			58,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Phú Dục - Giáo dục công dân	
103	CS0103	Mai Thủy Hà	01/1/1996	Đại học	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Đông Bằng		Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	25	47,00			47,00	Không đủ điều kiện		
104	CS0104	Ngô Thị Hà	22/6/2002	Cư nhân	Sư phạm Toán	Sư phạm	Khá	SP		Xã Quỳnh An		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	28	64,00	5	Con thương binh hạng 2/4, tỷ lệ thương tật 61%	69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
105	CS0105	Nguyễn Thái Hà	19/4/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng	Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	28	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
106	CS0106	Nguyễn Thanh Hà	19/09/2002	Đại học	Sư phạm giáo dục công dân	Giáo dục công dân	Giỏi	SP		Xã Thái Thụy	Xã Kiến Xương		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	51	25	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Thái Thụy - Giáo dục công dân		
107	CS0107	Nguyễn Thị Hà	24/10/1985	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	26	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
108	CS0108	Nguyễn Thị Hà	1/3/1985	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Quỳnh An			Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	41	30	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
109	CS0109	Nguyễn Thị Hà	18/12/1984	Cư nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	79,00	5	Con thương binh loại A hạng 4	84,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú	
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm				
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
110	CS0110	Nguyễn Thị Thu Hà	22/11/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Ngọc Lâm		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	20	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
111	CS0111	Nguyễn Thị Thu Hà	15/3/2001	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP	Xã Kiến Xương		Xã Hưng Hà		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	51	28	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
112	CS0112	Nguyễn Thu Hà	9/4/1996	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP			Xã Quỳnh An	Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	21	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
113	CS0113	Phạm Thị Thu Hà	14/07/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP			Phường Vũ Phúc	Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	25	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
114	CS0114	Phạm Thị Thu Hà	18/11/1991	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP			Xã Bắc Đông Quan	Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	26	61,00			61,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
115	CS0115	Trần Ngọc Hà	27/11/2003	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh	Giỏi	Khác			Xã Vạn Xuân	Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
116	CS0116	Trần Thị Hà	20/11/1987	Đại học	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	60	Miễn thi	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
117	CS0117	Trần Thị Thu Hà	4/6/1993	Đại học	Sư phạm Toán	Sư phạm	Khá	SP			Xã Nam Tiên Hưng	Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	28	92,00			92,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Nam Tiên Hưng - Toán			
118	CS0118	Trần Việt Hà	14/2/2002	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Xã Hưng Hà			Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	48	25	43,00			43,00	Không đủ điều kiện			
119	CS0119	Vũ Ngân Hà	2/8/1997	Cử nhân	Toán cơ	Toán cơ	Trung bình	Khác			Xã Bắc Đông Quan	Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	27	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
120	CS0120	Bùi Thị Hải	7/8/1977	Đại học	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Trung bình	SP	Xã Nam Cường			Xã Nam Tiên Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	67,00	5	Con đẻ người nhiễm chất độc hóa học 81% sức khỏe	72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
121	CS0121	Đàm Hạnh Hải	05/10/1995	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Sư phạm	Khá	SP			Xã Vạn Xuân	Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	52	23	59,00			59,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Vạn Xuân - Giáo dục thể chất		
122	CS0122	Nguyễn Thanh Hải	26/1/2002	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Giỏi	SP	Phường Trần Lâm			Xã Nam Đông Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			
123	CS0123	Nguyễn Thị Hải	7/7/1983	Cử nhân	Tin học	Tin học	Khá	Khác			Xã Tiên La	Xã Hồng Minh	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	53	26	60,00			60,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Tiên La - Tin học			
124	CS0124	Nguyễn Thị Minh Hải	04/10/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Thư Trì			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	24	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
125	CS0125	Hoàng Thị Hạnh	22/8/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán Lý	Sư phạm Toán học	Khá	SP			Xã Đông Tiên Hải	Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	22	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
126	CS0126	Lê Hồng Hạnh	05/07/1993	Đại học	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Khá	SP	xã Phú Dục			xã Ngọc Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	54	24	81,00	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	86,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Phú Dục - Khoa học tự nhiên - Vật lý			
127	CS0127	Lê Thị Hạnh	24/05/1990	Cử nhân	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Khá	SP	Xã Thư Vũ			Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	56	30	92,00			92,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Thư Vũ - Công nghệ			
128	CS0128	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	7/1/1995	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
129	CS0129	Vũ Đình Vinh Hạnh	8/3/1993	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Thần Khê			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	28	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
130	CS0130	Bùi Thị Hằng	8/8/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	90,00			90,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Châu - Toán			
131	CS0131	Đào Thị Thúy Hằng	20/12/2002	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			
132	CS0132	Nguyễn Thị Hằng	16/11/1985	Cử nhân	Sư phạm văn sử	Sư phạm văn sử	Khá	SP	Xã Ngự Thiên			Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	21	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Số phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
133	CS0133	Nguyễn Thị Hằng	11/9/1987	Cư nhân	Ngữ văn	Ngữ văn	Trung bình khá	Khác	Xã Đông Bằng			Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	50	22	78,00	5	Con thương binh hạng A	83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
134	CS0134	Phạm Thị Hằng	21/7/1989	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	30	64,00			64,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Ngữ văn		
135	CS0135	Phạm Thu Hằng	9/11/2000	Cư nhân	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ anh	Giỏi	Khác	Xã Diên Hà		Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
136	CS0136	Đỗ Thị Hậu	21/4/1993	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP		Xã Vũ Thư		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	58	30	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vũ Thư - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
137	CS0137	Nguyễn Thị Hậu	29/5/1997	Đại học	Sư phạm lịch sử	Sư phạm lịch sử	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Đông Tiến Hải		Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Lịch sử))	48	27	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Lịch sử và Địa lý - Lịch sử		
138	CS0138	Nguyễn Thị Hiền	08/9/1991	Đại học	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Khá	SP	Phường Thái Bình		Xã Hưng Hà		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	55	27	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Thái Bình - Công nghệ		
139	CS0139	Nguyễn Thị Hiền	21/03/1998	Cư nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung bình	Khác		Xã Đông Thái Ninh		Xã Tây Thụy Anh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
140	CS0140	Trần Thị Ngọc Hiền	27/7/1991	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Thư Trì			Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	22	58,00			58,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
141	CS0141	Đỗ Thị Hiền	19/2/2002	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Đông Tiến Hưng		Xã Bắc Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	60	28	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Tiến Hưng - Toán		
142	CS0142	Đỗ Thị Hiền	24/5/1991	Đại học	Tiếng anh	Tiếng anh	Trung bình khá	Khác	Xã Nam Cường			Xã Đông Thái Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	79,00	5	Con thương binh	84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
143	CS0143	Hoàng Thị Hiền	03/08/2002	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Phú Dục		Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	44	23	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
144	CS0144	Hoàng Thị Nguyễn Hiền	28/10/1991	Đại học	Hóa	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Phường Trần Lãm		Xã Vũ Thư		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	53	28	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lãm - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
145	CS0145	Khúc Thị Hiền	17/11/1985	Đại học	Văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	60	28	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
146	CS0146	Lê Thị Hiền	21/8/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	29	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
147	CS0147	Lê Thị Thu Hiền	6/10/1989	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	27	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
148	CS0148	Nguyễn Thị Hiền	30/12/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	30	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
149	CS0149	Nguyễn Thị Hiền	14/07/1986	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	83,00			83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
150	CS0150	Nguyễn Thị Hiền	29/7/1988	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	SP	Phường Trần Lãm			Phường Trà Lý	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	58	27	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lãm - Công nghệ		
151	CS0151	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/5/2003	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiến Hưng		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	28	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
152	CS0152	Nguyễn Thu Hiền	23/03/2000	Cư nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Xã Nam Cường		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	52	Miễn thi	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
153	CS0153	Phạm Thị Hiền	23/9/1987	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	SP	Xã Bắc Tiến Hưng			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	54	26	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Bắc Tiến Hưng - Công nghệ		
154	CS0154	Phạm Thị Hiền	11/4/1989	Cư nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác	Xã Tân Tiến			Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	30	85,00			85,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
155	CS0155	Phạm Thị Thúy Hiền	16/10/1987	Cư nhân	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Nam Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	76,00	5	Con thương binh hạng 3/4	81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

GIÁ  
ĐÀ  
TỈNH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng/diplôme)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường THPT và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
156	CS0156	Phạm Thu Hiền	10/02/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán dạy bằng tiếng Anh	Toán	Giỏi	SP	Xã Quỳnh An		Chi ghi xã (Xã Đông Châu) Không xét	Chi ghi xã (Xã Đông Châu) Không xét	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	26	58,00			58,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
157	CS0157	Tô Thị Thu Hiền	13/11/1996	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	25	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
158	CS0158	Trần Thị Hiền	12/10/1990	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	khá	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
159	CS0159	Vũ Thị Hiền	08/05/1990	Cử nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Nguyễn Du		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	20	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
160	CS0160	Phạm Minh Hiếu	26/11/2003	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Trung bình	SP	Xã Nam Tiến Hải			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	44	25	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiến Hải - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
161	CS0161	Phạm Thị Hiếu	24/05/1987	Cử nhân	Cử nhân Toán	Toán học	Trung bình	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	27	73,00	5	Con bệnh binh 2/3	78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
162	CS0162	Bùi Thị Hoa	01/7/1985	Đại học; Đại học; Cao đẳng	Tiếng anh sư phạm; Giáo dục tiểu học; Công nghệ thông tin	Tiếng anh sư phạm; Giáo dục tiểu học; Công nghệ thông tin	Trung bình khá; Khá; Khá	SP		Xã Tây Thụy Anh		Xã Đông Thái Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	46	Miễn thi	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
163	CS0163	Bùi Thị Như Hoa	12/9/1994	Cử nhân	Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Nam Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	22	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
164	CS0164	Dương Thị Hoa	13/6/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	21	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
165	CS0165	Đỗ Thị Hoa	1/11/1988	Đại học	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Ngự Thiên		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	28	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
166	CS0166	Lưu Thị Hoa	09/03/1988	Đại học	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Trung bình khá	SP	Phường Thái Bình		Phường Trần Hưng Đạo	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	59	29	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Thái Bình - Công nghệ			
167	CS0167	Ngô Thị Hoa	26/1/1994	Đại học	Toán	Sư phạm Toán	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	30	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
168	CS0168	Trần Thị Hoa	04/05/1992	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Ngọc Lâm			Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	28	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
169	CS0169	Trần Thị Nguyệt Hoa	8/5/1992	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Thư Trì			Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	26	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
170	CS0170	Bùi Thị Khánh Hòa	7/3/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS phường Thái Bình - Toán			
171	CS0171	Lưu Thị Hòa	18/9/1992	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Xã Vũ Tiên		Xã Kiến Xương	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	52	26	55,00			55,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Giáo dục công dân			
172	CS0172	Nguyễn Thị Thu Hòa	20/10/1988	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Đông Bằng			Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	20	68,00			68,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Bằng - Ngữ văn		
173	CS0173	Phạm Thị Hòa	11/4/1988	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Bình Định	Xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	47	20	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
174	CS0174	Bùi Thị Thu Hoài	23/02/1992	Cử nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giỏi	SP		Xã Nam Đông Hưng	Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	51	24	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường THPT và THCS xã Nam Đông Hưng - Khoa học tự nhiên - Vật lý			
175	CS0175	Đặng Vũ Thu Hoài	1/10/2003	Đại học	Thế dục	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP	Xã Nam Tiến Hải		Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	48	23	59,00			59,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiến Hải - Giáo dục thể chất			
176	CS0176	Đoàn Thị Hoài	27/7/1997	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	26	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

H.C.A  
SỞ  
O DƯ  
VÀ  
O TẠ  
LUNG

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sự phạm	Đợt vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng/diplôme)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
177	CS0177	Đỗ Thị Hoài	17/7/1991	Cư nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP	Xã Tân Thuận		Xã Vũ Thư		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	58	29	92,00			92,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Tân Thuận - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
178	CS0178	Lưu Thị Hoài	20/1/1987	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Tiên Hưng	Xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	30	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
179	CS0179	Nguyễn Thị Hoài	15/2/1987	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan	Xã Phụ Dục		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	48	23	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
180	CS0180	Nguyễn Thị Hoài	14/7/1987	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Thư Trì		Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
181	CS0181	Nguyễn Thị Thu Hoài	29/12/1997	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	42	21	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
182	CS0182	Phạm Thị Hoài	08/12/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	26	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Tiên Hưng - Toán		
183	CS0183	Phạm Thị Thu Hoài	19/01/2003	Cư nhân	Sư phạm Toán học dạy học bằng Tiếng Anh	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	30	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
184	CS0184	Trần Thị Hoài	25/02/1990	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	30	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
185	CS0185	Vũ Thị Thu Hoài	02/11/1989	Đại học	Sư phạm Toán học	Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	29	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Bắc Tiên Hưng - Toán		
186	CS0186	Phạm Thị Hoàn	11/12/1980	Cư nhân	Sư phạm tin học K4 hệ vừa làm vừa học	Sư phạm tin học	Khá	SP		Xã Hồng Minh		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	55	26	77,00			77,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hồng Minh - Tin học		
187	CS0187	Đình Thiên Hoàng	06/12/1997	Đại học	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	22	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
188	CS0188	Phạm Ngọc Hoàng	02/10/1992	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	17	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
189	CS0189	Tô Nguyễn Xuân Hoàng	04/04/1993	Cư nhân: Thạc Sĩ	Sư phạm kỹ thuật Công nghiệp; Lý luận & PPDH bộ môn KTCN	Sư phạm kỹ thuật Công nghiệp; Lý luận & PPDH bộ môn KTCN	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo		Phường Vũ Phúc		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	56	29	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
190	CS0190	Đào Thị Hồng	10/12/1991	Đại học	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Khá	SP		Xã Đông Thái Ninh		Xã Tây Thụy Anh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Thái Ninh - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
191	CS0191	Lê Thị Hồng	16/07/1987	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	khá	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	58,00			58,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
192	CS0192	Nguyễn Thị Hồng	22/5/1999	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Diên Hà		Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	27	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
193	CS0193	Nguyễn Thị Hồng	8/3/1988	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Tân Tiến		Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	23	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
194	CS0194	Trần Thị Hồng	22/9/1990	Đại học	Sư phạm tin học	Sư phạm tin học	Giỏi	SP		Xã Long Hưng		Xã Lê Quý Đôn	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	58	27	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Long Hưng - Tin học		
195	CS0195	Trần Thị Tuyết Hồng	28/12/2003	Cư nhân	SP Vật lý	SP Vật lý	Khá	SP	xã Ngự Thiên		xã Diên Hà (Không có chi tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	50	24	68,00			68,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Ngự Thiên - Khoa học tự nhiên - Vật lý		
196	CS0196	Đình Thị Huệ	25/8/1987	Đại học	Kỹ sư công nghệ thông tin	Kỹ sư công nghệ thông tin	Khá	Khác	Phường Trà Lý		Xã Vũ Thư		Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	54	29	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
197	CS0197	Lương Thị Huệ	11/9/1986	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Vũ Phúc		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	30	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đảm vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
198	CS0198	Triệu Thị Huệ	26/07/1999	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	Khá	SP	xã Vũ Thư			xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	49	22	67,00			67,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Thư - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
199	CS0199	Lê Thị Huệ	21/12/1991	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Khá	SP		Xã Nam Đông Hưng		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	42	17	49,00			49,00	Không đủ điều kiện		
200	CS0200	Nghiêm Thị Huệ	24/02/1992	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	SP				Xã Diên Hà (Không có chi tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
201	CS0201	Nguyễn Thị Huệ	19/10/1985	Cử nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Diên Hà	Xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	49	21	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
202	CS0202	Phạm Kim Huệ	10/7/1987	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Phú Dục	Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	44	23	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Phú Dục - Ngữ văn		
203	CS0203	Trần Quang Huy	05/5/1998	Đại học	Sư phạm lịch sử	Sư phạm lịch sử	Khá	SP	Xã Đông Hưng		Xã Bắc Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Lịch sử))	49	27	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Bắc Đông Hưng - Lịch sử và Địa lý - Lịch sử	
204	CS0204	Đoàn Thị Huyền	12/06/1996	Đại học	Sư phạm Sinh học	Sinh học	Khá	SP		Xã Trà Giang	Xã Lê Lợi		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	55	30	72,00			72,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Trà Giang - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
205	CS0205	Đỗ Thị Huyền	6/11/1990	Cử nhân	Cử nhân khoa học SPÂN	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Tân Tiến	Xã Phú Dục		Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	47	19	64,00			64,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tân Tiến - Âm nhạc		
206	CS0206	Hà Thị Huyền	23/3/1990	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Giỏi	SP	Xã Nam Cường		Xã Nam Tiến Hải		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	60	Miễn thi	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
207	CS0207	Hoàng Thị Huyền	29/3/1991	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Đông Bằng		Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	17	61,00			61,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
208	CS0208	Lê Thanh Huyền	02/12/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	21	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
209	CS0209	Lê Thị Huyền	02/01/1991	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP	xã Đông Bằng		xã Minh Thọ (Không có chi tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	49	19	48,00			48,00	Không đủ điều kiện		
210	CS0210	Nguyễn Ngọc Huyền	28/03/1989	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	52	19	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Mỹ thuật		
211	CS0211	Nguyễn Thị Huyền	9/4/1987	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Trung bình khá	SP		Xã Hưng Phú	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	78,00	5	Con thương binh 4/4	83,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hưng Phú - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
212	CS0212	Phạm Thị Huyền	28/1/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	44	17	55,00	5	Bệnh binh 3/3 mắt sức lao động 51%	60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
213	CS0213	Trần Thị Thu Huyền	18/10/1991	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		xã Bắc Đông Quan		xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	25	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
214	CS0214	Phan Văn Huỳnh	20/11/1987	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Khá	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Ngọc Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	53	23	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Khoa học tự nhiên - Vật lý		
215	CS0215	Cao Thị Hưng	23/12/1989	Đại học	Toán học	Cử nhân toán	Xuất sắc	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	28	85,00			85,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
216	CS0216	Đinh Thị Hưng	15/5/1981	Cử nhân khoa học: Thạc sĩ	Sư phạm Sinh-kỹ thuật nông nghiệp; Sinh học ứng dụng	Sinh-kỹ thuật nông nghiệp; Công nghệ sinh học	Trung bình khá	SP		Xã Long Hưng	Xã Long Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	53	24	72,00			72,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Long Hưng - Công nghệ		
217	CS0217	Đào Thị Lan Hương	13/03/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Phường Thái Bình	Xã Nam Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	46	29	52,00			52,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
218	CS0218	Đỗ Thị Hương	21/03/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Bắc Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	19	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đợt vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú	
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bảng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm				
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
219	CS0219	Đỗ Thị Lan Hương	11/01/1992	Cư nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác			xã Bình Định		xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	58	25	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
220	CS0220	Giang Thị Thu Hương	04/10/1993	Đại học	Sư phạm giáo dục chính trị	Sư phạm giáo dục chính trị	Giỏi	SP			Xã Nam Thái Ninh		Xã Thái Thụy	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	41	24	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
221	CS0221	Hoàng Hà Hai Hương	17/11/1986	Đại học	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Khá	SP			Xã Lê Quý Đôn		Xã Hồng Minh	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	59	30	66,00			66,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Lê Quý Đôn - Tin học		
222	CS0222	Lê Thị Mai Hương	24/11/2001	Đại học	Tiếng anh thương mại	ngôn ngữ anh	giỏi	Khác	Xã Nam Cường				Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
223	CS0223	Nguyễn Thị Hương	17/9/1993	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu				Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	24	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
224	CS0224	Nguyễn Thị Hương	04/03/1988	Cư nhân	Sư phạm Toán Lý	Sư phạm Toán Lý	Khá	SP			Xã Tiên Hưng		Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	25	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
225	CS0225	Nguyễn Thị Hương	4/1/1991	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Xã Thư Vũ			Phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	54	28	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
226	CS0226	Nguyễn Thị Hương	18/7/1995	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP			Xã Bình Định		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	26	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
227	CS0227	Nguyễn Thị Hương	26/03/1989	Cư nhân	Sư phạm Thể dục TT	Sư phạm Thể dục TT	Giỏi	SP			Xã Hồng Vũ		Xã Vũ Quý	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	35	24	52,00			52,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hồng Vũ - Giáo dục thể chất		
228	CS0228	Nguyễn Thị Thu Hương	01/11/1992	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP			Xã Quỳnh An		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	26	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
229	CS0229	Nguyễn Thu Hương	19/1/2002	Đại học	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Giỏi	SP	Phường Trần Lâm				Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
230	CS0230	Phạm Thị Hương	09/01/1991	Đại học	Văn học	Văn học	Khá	Khác			Xã Bình Định		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	29	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
231	CS0231	Phạm Thị Hương	16/05/1985	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Xã Kiến Xương			Phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	43	28	59,00			59,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Kiến Xương - Giáo dục công dân		
232	CS0232	Dương Thị Hương	15/1/1992	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP			Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	47	17	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
233	CS0233	Nguyễn Thị Hương	3/8/1987	Cư nhân	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán	Giỏi	SP			Xã Vạn Xuân		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
234	CS0234	Nguyễn Thị Hương	23/10/1991	Cư nhân	Cư nhân Toán học	Toán học	Giỏi	Khác			Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	27	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
235	CS0235	Nguyễn Thị Hương	9/9/1990	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Ngự Thiên				Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	18	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
236	CS0236	Nguyễn Thị Hương	31/05/1986	Cư nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác			xã Minh Thọ		xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	60	27	90,00			90,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
237	CS0237	Phạm Thị Hương	24/09/1987	Đại học	Văn học	Văn học	Khá	Khác	Xã Tân Tiến				Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	20	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
238	CS0238	Vũ Thị Hương	23/1/1990	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP			Xã Tiên Hưng		Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	22	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
239	CS0239	Bùi Thị Kiểm	8/10/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP			Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	23	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
240	CS0240	Vũ Thị Kiều	24/1/1986	Cư nhân	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Giỏi	SP	Phường Trà Lý				Xã Hồng Minh	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	55	20	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
241	CS0241	Phạm Cao Mai Lam	4/10/2003	Cư nhân	Tiếng anh	Sư phạm	Khá	SP	Xã Hưng Phú			Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Hưng Phú - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đảm vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
242	CS0242	Ha Thị Lan	24/4/2001	Cử nhân	Ngôn ngữ anh (sư phạm)	Ngôn ngữ anh	Giỏi	SP	Phường Trần Lâm		Xã Vũ Tiên		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	50	Miễn thi	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
243	CS0243	Hoàng Thị Lan	11/12/1987	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán; Toán ứng dụng	Sư phạm Toán; Toán học	Trung bình khá	SP	Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	30	85,00			85,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
244	CS0244	Lê Thị Lan	29/10/1990	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	28	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
245	CS0245	Nguyễn Thị Lan	11/10/1988	Đại học	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán	Giỏi	SP	Xã Quỳnh An		Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	89,00			89,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
246	CS0246	Phạm Thị Lan	29/11/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An		Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	28	87,00			87,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Quỳnh An - Toán		
247	CS0247	Phạm Thị Tuyết Lan	05/01/1987	Cử nhân	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Trung bình khá	SP	Phường Trần Lâm		Phường Thái Bình		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	59	27	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Công nghệ		
248	CS0248	Trần Thị Lan	15/7/1990	Đại học	Sư phạm song ngữ Trung-anh	Sư phạm song ngữ Trung-anh	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
249	CS0249	Mai Thị Lành	1/1/1991	Cử nhân	Sư phạm văn sử	Văn sử	Khá	SP	Xã Ngự Thiên		Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	21	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
250	CS0250	Phạm Thị Lành	11/8/1993	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Nam Đông Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	47	19	51,00			51,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Đông Quan - Giáo dục thể chất		
251	CS0251	Phạm Tùng Lâm	19/5/1987	Cử nhân; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Đại số và lý thuyết số	Sư phạm Toán học; Toán học	Trung bình khá	SP	Phường Vũ Phúc (Không có chỉ tiêu)		Xã Đông Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	26	59,00			59,00	Không xét NV1	Không trúng tuyển NV2	
252	CS0252	Phạm Văn Lâm	23/11/1996	Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất	Sư phạm Giáo dục thể chất	Khá	SP	Xã Đông Bằng		Xã Phụ Dực		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	53	22	72,00			72,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Bằng - Giáo dục thể chất		
253	CS0253	Phạm Thị Lân	14/07/1988	Cử nhân sư phạm Tin học	Tin học	sư phạm tin học	Khá	SP	Xã Long Hưng		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	39	24	61,00	5	Con Thương binh	66,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
254	CS0254	Nguyễn Thị Thanh Lê	12/01/1980	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	69,00	5	Bỏ đề là nạn nhân chất độc da cam	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
255	CS0255	Bùi Thị Lệ	03/09/1988	Đại học	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Khá	SP	Xã Vũ Thư		Phường Vũ Phúc		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	53	28	74,00	5	Con thương binh	79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
256	CS0256	Phạm Mỹ Lệ	31/10/2003	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo		Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	51	26	66,00			66,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Khoa học tự nhiên - Vật lý		
257	CS0257	Ngô Thị Phương Liên	16/12/1995	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	51	26	49,00			49,00	Không đủ điều kiện		
258	CS0258	Nguyễn Thị Liên	5/1/1993	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Đông Tiên Hải		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	29	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
259	CS0259	Nguyễn Thị Kim Liên	21/6/1990	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Khá	SP		Xã Trà Giang		Xã Nam Đông Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	51	21	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Trà Giang - Giáo dục thể chất		
260	CS0260	Nguyễn Trung Liên	02/11/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Thư Trì		Xã Bắc Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	26	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
261	CS0261	Nguyễn Thị Liễu	15/7/1988	Đại học	Toán học	Toán học	Khá	Khác		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	28	83,00			83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
262	CS0262	Nguyễn Thị Liễu	29/05/1992	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	SP	xã Quỳnh An		xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	24	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
263	CS0263	Đào Khánh Linh	18/12/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

ĐƠN X  
S  
GIÁO  
ĐẠO  
TỈNH H

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sự phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng/diplôme)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
264	CS0264	Đào Thị Linh	07/11/2002	Cử nhân	ngôn ngữ anh	Sư phạm	khá	SP	Phường Trần Lâm		Xã Nam Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	48	Miễn thi	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
265	CS0265	Đặng Thị Linh	18/9/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	30	83,00			83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
266	CS0266	Đỗ Thị Thủy Linh	18/5/1996	Đại học; Thạc sỹ	Hóa học; Hóa học	Sư phạm Hóa học; Hoá môi trường	Giỏi	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	44	27	66,00			66,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
267	CS0267	Mai Việt Linh	12/02/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An		Xã Phú Dục	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
268	CS0268	Nguyễn Thị Linh	05/12/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An	Xã Ngọc Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	26	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
269	CS0269	Nguyễn Thị Nam Linh	1/9/1992	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Ái Quốc		Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	21	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
270	CS0270	Nguyễn Thị Thuý Linh	20/01/1996	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	SP		xã Bình Định		xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	50	24	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
271	CS0271	Phạm Mỹ Linh	13/11/1993	Cử nhân; Thạc sỹ	Sư phạm Toán; Toán giải tích	Toán; Giải tích	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	82,00	5	Con Bệnh Binh	87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
272	CS0272	Phạm Thị Linh	25/7/1993	Cử nhân	Sư phạm văn - địa	Sư phạm văn - địa	Khá	SP		Xã Bình Định	Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	29	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bình Định - Ngữ văn		
273	CS0273	Phạm Thị Mai Linh	25/8/1993	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Đông Tiến Hưng		Xã Nam Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	29	81,00			81,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Tiến Hưng - Toán		
274	CS0274	Phạm Thị Thuý Linh	25/07/2003	Cử nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo		Xã Nam Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	51	27	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Nam Tiên Hưng - Khoa học tự nhiên - Sinh học	
275	CS0275	Tương Thủy Linh	8/12/1998	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác		Xã Vạn Xuân	Xã Vũ Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
276	CS0276	Hoàng Thị Loan	13/01/1987	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình khá	SP		Xã Bình Định		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	49	25	53,00			53,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
277	CS0277	Ngân Thị Loan	28/10/1984	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	52	26	75,00	5	Dân tộc thiểu số (Thái)	80,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Âm nhạc		
278	CS0278	Nguyễn Thanh Loan	7/4/2002	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	23	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
279	CS0279	Nguyễn Thanh Loan	20/11/1995	Cử nhân	Sư phạm song ngữ Trung-anh	Sư phạm tiếng Trung quốc	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Đông Tiến Hải		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	85,00			85,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
280	CS0280	Trần Thị Loan	06/11/1988	Cử nhân	Sư phạm Công nghệ	Sư phạm Công nghệ	Giỏi	SP	Xã Long Hưng		Xã Ngự Thiên		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	51	22	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Long Hưng - Công nghệ		
281	CS0281	Trịnh Thị Kim Loan	25/01/1990	Cử nhân	Âm nhạc	Sư phạm	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	51	26	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Tiên Hưng - Âm nhạc		
282	CS0282	Kiều Giang Lợi	05/09/2001	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP		xã Tân Tiến		xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	42	22	48,00			48,00	Không đủ điều kiện		
283	CS0283	Bùi Thị Luyến	19/11/1986	Đại học	Sư phạm văn - sử	Sư phạm văn - sử	Khá	SP		Xã Tiên Hưng	Xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	28	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
284	CS0284	Hà Văn Luyến	1/1/1995	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Khá	SP		Xã Tân Tiến	Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	48	17	53,00	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	58,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tân Tiến - Giáo dục thể chất	Không xét NV2	
285	CS0285	Nguyễn Thị Luyến	23/2/1990	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Bình Định (Không có chỉ tiêu)		Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	46	21	55,00			55,00	Không xét NV1	Không trúng tuyển NV2	
286	CS0286	Phạm Đức Lực	26/05/1990	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP		xã Bình Định		xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	18	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

H.C.N  
DỰ  
IA  
TẠC  
NG Y

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đợt vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Năm đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
287	CS0287	Đinh Thị Lương	24/05/1983	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	SP	Xã A Sào		Xã Bắc Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	53	27	63,00			63,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã A Sào - Mỹ thuật		
288	CS0288	Phạm Thị Lương	16/7/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Bắc Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	48	22	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
289	CS0289	Trần Thị Lượ	24/8/1988	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP		Xã Diên Hà		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	29	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Diên Hà - Ngữ văn		
290	CS0290	Thạch Thị Ly	10/10/1987	Đại học	Sư phạm Toán - Lý	Sư phạm Toán - Lý	Khá	SP		Xã Bắc Tiến Hưng		Xã Đông Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	30	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
291	CS0291	Trần Hải Ly	03/07/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	24	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
292	CS0292	Vũ Khánh Ly	14/10/2000	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	Khác	Xã Nam Tiến Hải		Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
293	CS0293	Hoàng Thị Lý	8/5/1985	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP		Xã Bình Định		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	25	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
294	CS0294	Lưu Thị Hồng Lý	17/12/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	27	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
295	CS0295	Nguyễn Thị Lý	20/4/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Giỏi	SP		Xã Diên Hà	Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	25	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
296	CS0296	Nguyễn Thị Lý	18/01/1993	Cử nhân; Thạc sĩ	Sư phạm Toán; Toán giải tích	Toán; Giải tích	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Nam Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
297	CS0297	Bùi Thị Hoa Mai	30/3/1989	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan	Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	39	19	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
298	CS0298	Đỗ Thị Thùy Mai	12/03/1994	cử nhân	sư phạm tiếng anh	SP Tiếng Anh	khá	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Diên Hà (Không có chỉ tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
299	CS0299	Ngô Thị Tuyết Mai	1/6/1991	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Tiếng anh	Khá	SP		Xã Đông Tiến Hải	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	46	Miễn thi	67,00			67,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Tiến Hải - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
300	CS0300	Nguyễn Hoàng Hiền Mai	15/6/2003	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	55,00			55,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
301	CS0301	Nguyễn Thanh Mai	26/5/2000	Cử nhân	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ anh	Giỏi	Khác	Xã Diên Hà		Xã Nam Tiến Hải		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
302	CS0302	Nguyễn Thị Phương Mai	12/06/2003	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Giỏi	SP		Xã Minh Thọ	Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
303	CS0303	Nguyễn Thị Tuyết Mai	3/7/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Ngọc Lâm		Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	29	90,00			90,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Ngọc Lâm - Toán		
304	CS0304	Phạm Thị Mai	10/07/1979	Đại học	Tiếng Anh	Tiếng Anh sư phạm	Khá	SP		Xã Đông Tiến Hải	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	Vắng	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Vắng	Không đủ điều kiện		
305	CS0305	Trần Thị Mai	3/2/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP		Xã Hưng Phú		Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hưng Phú - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
306	CS0306	Vũ Thị Mai	21/5/1992	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	Sư phạm Địa lý	Khá	SP	Xã Vũ Tiên		Phường Thái Bình		Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Địa lý))	56	26	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Lịch sử và Địa lý - Địa lý		
307	CS0307	Vũ Thị May	13/9/1991	Đại học	Sư phạm Văn - Giáo dục công dân	Sư phạm Văn - Giáo dục công dân	Khá	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	29	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Ngữ văn		
308	CS0308	Nguyễn Hồng Máy	3/5/1991	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Bình Định		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	28	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sự phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển					Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú	
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghệ thuật chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải				Tổng điểm
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
309	CS0309	Đỗ Thị Mến	2/2/1984	Đại học	Sư phạm tin học	Sư phạm tin học	Khá	SP	Phường Trà Lý			Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	54	29	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
310	CS0310	Lê Thị Hồng Mến	23/7/2003	Cư nhân	Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Xã Ngọc Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	54	22	61,00			61,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Ngọc Lâm - Khoa học tự nhiên - Sinh học	
311	CS0311	Phạm Thị Mến	18/08/1990	Cư nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Xã Vũ Tiên	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	50	21	63,00			63,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
312	CS0312	Vũ Thị Miên	15/09/1993	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Tiên Hưng	Xã Ngọc Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	29	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
313	CS0313	Lại Thị Hải Minh	22/12/1988	Cư nhân	Sư phạm Toán	SP Toán	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Xã Nam Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	25	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
314	CS0314	Phạm Thị Mùi	06/07/1979	Cư nhân	Tiếng Anh sư phạm	Tiếng Anh sư phạm	Trung bình khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	60	Miễn thi	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
315	CS0315	Trần Trà My	21/11/1995	Cư nhân	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	38	28	44,00			44,00	Không đủ điều kiện		
316	CS0316	Nguyễn Thị Na	17/9/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán - lý	Sư phạm Toán - lý	Khá	SP		Xã Đồng Châu		Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	29	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
317	CS0317	Phạm Thị Na	11/5/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
318	CS0318	Nguyễn Thị Hoài Nam	1/8/2001	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Phường Trần Lâm			Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
319	CS0319	Vũ Văn Nam	10/06/2003	Đại học	Giáo dục công dân	Giáo dục công dân	Giỏi	SP	Phường Thái Bình		Phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	56	16	64,00			64,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Thái Bình - Giáo dục công dân		
320	CS0320	Đỗ Thị Năm	4/4/1987	Cư nhân	Ngữ văn	Ngữ văn	Khá	Khác		Xã Bình Định	Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	43	17	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
321	CS0321	Trần Văn Ninh	10/1/1983	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đồng Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	28	62,00	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
322	CS0322	Bùi Huyền Nga	21/10/2003	Cư nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Nam Thái Ninh	Xã Tiên Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	55	28	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nam Thái Ninh - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
323	CS0323	Chu Thị Nga	08/02/1989	Cư nhân	Văn - Sư	Sư phạm Văn Sư	Khá	SP		xã Diên Hà		xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	19	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Ngữ văn	
324	CS0324	Hoàng Thị Nga	10/8/1987	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	SP		Xã Thần Khê	Xã Hưng Hà		Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	52	19	61,00			61,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Thần Khê - Mỹ thuật		
325	CS0325	Lương Thị Nguyệt Nga	10/11/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán Tin	Sư phạm Toán Tin	Khá	SP	Xã Long Hưng			Xã Lê Quý Đôn	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	56	29	78,00			78,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Long Hưng - Tin học		
326	CS0326	Ngô Thị Quỳnh Nga	18/11/2003	Cư nhân	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Giỏi	SP	Xã Nam Tiên Hải			Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	60	Miễn thi	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiên Hải - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
327	CS0327	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	29	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
328	CS0328	Nguyễn Thị Nga	1/2/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán -lý	Sư phạm Toán -lý	Khá	SP	Xã Phụ Dực			xã Minh Thọ (Không có chỉ tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
329	CS0329	Nguyễn Thị Nga	21/10/1986	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP	Xã Đồng Châu			Xã Đông Tiên Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
330	CS0330	Nguyễn Thị Nga	11/03/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP	Xã Đồng Châu			Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	83,00	5	Con thương Binh	88,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đồng Châu - Toán		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bảng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghệ thuật chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
331	CS0331	Hoàng Thị Hồng Ngát	23/12/2002	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Minh Thọ	Xã Hưng Hà		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	52	30	63,00			63,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
332	CS0332	Phạm Thị Ngát	27/09/1990	Đại học	Cử nhân Văn học	Văn học	Khá	Khác	Xã Tân Tiến		Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	46	25	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
333	CS0333	Bùi Khánh Ngân	5/7/2002	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Khá	SP		Xã Hồng Vũ		Xã Bình Thanh	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	50	24	63,00			63,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hồng Vũ - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
334	CS0334	Bùi Thị Kim Ngân	23/3/1987	Cử nhân khoa học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Bắc Tiên Hưng			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	46	27	52,00			52,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
335	CS0335	Dương Thị Minh Ngân	31/08/1997	Cử nhân; Thạc sĩ	Sư phạm hoá học (day hoá học bằng tiếng anh); Hoá học (hoá Lí thuyết và Hoá lí)	Sư phạm hoá học (day hoá học bằng tiếng anh); Hoá học (hoá Lí thuyết và Hoá lí)	Khá	SP		Phường Trà Lý	Phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	58	30	79,00			79,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS phường Trà Lý - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
336	CS0336	Lê Thị Ngân	31/10/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
337	CS0337	Phạm Thị Ngân	06/12/1987	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Phường Thái Bình			Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	59	30	79,00			79,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Thái Bình - Giáo dục công dân		
338	CS0338	Vũ Thị Thủy Ngân	12/05/1978	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Trung bình	SP		Xã Đông Thái Ninh		Xã Tây Thụy Anh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	48	Miễn thi	63,00			63,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
339	CS0339	Trần Đức Nghiệp	11/09/1984	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	23	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
340	CS0340	Vũ Thị Ngoan	2/10/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
341	CS0341	Phạm Thị Ngoãn	15/2/1985	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
342	CS0342	Nguyễn Thị Ngọc	8/1/1988	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Đông Bằng			Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	49	22	66,00			66,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Bằng - Ngữ văn		
343	CS0343	Nguyễn Thị Ngọc	03/08/1991	Cử nhân	SP Ngữ Văn	SP Ngữ Văn	Khá	SP	Xã Quỳnh An			Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	25	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Quỳnh An - Ngữ văn		
344	CS0344	Phạm Thị Ngọc	10/8/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Tân Tiến			Xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	58	25	78,00			78,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Tân Tiến - Ngữ văn		
345	CS0345	Trần Thị Như Ngọc	20/12/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
346	CS0346	Vũ Bích Ngọc	23/11/2002	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	Khác	Xã Diên Hà			Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
347	CS0347	Vũ Thị Ngọc	15/2/1988	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Thần Khê			Xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	58	27	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Thần Khê - Ngữ văn		
348	CS0348	Phạm Thị Nguyệt	13/11/1990	Cử nhân	Sư phạm văn sử	Sư phạm văn sử	Khá	SP		Xã Tiên Hưng	Xã Thần Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	25	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tiên Hưng - Ngữ văn		
349	CS0349	Vũ Thị Nguyệt	4/7/1993	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Nam Tiên Hưng			Xã Đông Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	21	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
350	CS0350	Đặng Thị Nhân	24/9/1989	Đại học	SP toán	SP toán	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	25	79,00	5	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Đông Quan - Toán		
351	CS0351	Hoàng Thị Thanh Nhân	21/06/2003	Đại học	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Khá	SP		Xã Vũ Thư		Xã Lê Quý Đôn	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	49	27	72,00			72,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vũ Thư - Tin học		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 1	Điểm môn nghệ vụ chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
352	CS0352	Nguyễn Thanh Nhân	20/6/2003	Đại học		Giáo dục công dân	Khá	SP		Xã Hưng Phú	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	55	26	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hưng Phú - Giáo dục công dân		
353	CS0353	Phạm Thị Nhân	16/10/1995	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP	Xã Diên Hà			Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	29	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
354	CS0354	Phạm Thị Nhân	02/11/2001	Đại học	Giáo dục công dân	Giáo dục công dân	Xuất sắc	SP		Xã Minh Thọ	Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	55	29	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Giáo dục công dân		
355	CS0355	Hoàng Thị Nhanh	09/12/1984	Đại học	Toán - lý	Sư phạm Toán	Khá	SP		Xã Quỳnh An		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	27	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
356	CS0356	Phạm Thị Minh Nhâm	12/2/2002	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Phường Trần Lâm			Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	51	25	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
357	CS0357	Nguyễn Thị Nhuận	09/3/1990	Cư nhân	Sư phạm Kỹ thuật	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	SP	Xã Thư Vũ			Xã Bình Thanh	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	59	28	78,00			78,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Thư Vũ - Công nghệ		
358	CS0358	Bùi Hồng Nhung	15/1/1989	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	48	24	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
359	CS0359	Nguyễn Thị Nhung	15/6/1993	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Bình Định			Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	37	Miễn thi	57,00			57,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Bình Định - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
360	CS0360	Phí Thị Nhung	25/3/1987	Cư nhân; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học - vật lý; Toán ứng dụng	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	Khá	SP	Xã Đồng Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	28	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
361	CS0361	Nguyễn Thị Như	18/07/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	82,00	5	Con thương binh hạng 4/4, tỉ lệ 31%	87,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tiên Hưng - Toán		
362	CS0362	Trương Thị Huệ Như	18/3/1996	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đồng Châu			Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	23	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
363	CS0363	Bùi Thị Oanh	14/10/1991	Đại học	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Khá	Khác		Xã Tân Tiến	Phường Trà Lý		Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	54	26	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
364	CS0364	Đỗ Thị Kim Oanh	26/10/2003	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	khá	SP	Phường Trần Lâm			Xã Nam Đông Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
365	CS0365	Hoàng Thị Kim Oanh	02/12/1991	Cư nhân	Hoá học	Hoá học	Khá	Khác		Xã Quỳnh An		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	54	30	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
366	CS0366	Lê Thị Oanh	10/11/1992	Đại học	Cư nhân	Toán học	Khá	Khác		Xã Vạn Xuân	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	28	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
367	CS0367	Nguyễn Thị Kiều Oanh	28/06/1986	Cư nhân; Cư nhân	Tiếng Anh sư phạm; Giáo dục Tiểu học	Tiếng Anh; Giáo dục Tiểu học	Khá; Giỏi	SP		Xã Đông Tiên Hai	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	49	Miễn thi	64,00	5	Là con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học, mất sức lao động 68%	69,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Tiên Hai - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
368	CS0368	Vũ Trọng Phong	01/10/1990	Đại học; Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao; Khoa học giáo dục	Huấn luyện thể thao; Khoa học giáo dục	Khá	SP		Xã Nam Đông Hưng	Xã Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	53	23	54,00			54,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nam Đông Hưng - Giáo dục thể chất		
369	CS0369	Nguyễn Thị Phúc	3/4/1994	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Thân Khê	Xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	45	15	60,00			60,00	Không xét NV1 (không có chỉ tiêu)	Không trúng tuyển NV2	
370	CS0370	Nguyễn Thị Phúc	10/6/1992	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Diên Hà		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	26	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
371	CS0371	Nguyễn Xuân Phước	12/2/1999	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP		Xã Quỳnh An		Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	25	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
372	CS0372	Bùi Bích Phương	26/1/1999	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Đồng Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	28	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Quỳnh An - Toán		



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Năm đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi chuyên ngành vòng 2	Điểm môn nghệ vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
373	CS0373	Bùi Thị Phương	26/3/1989	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An	Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	30	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
374	CS0374	Bùi Thị Phương	7/2/1989	Đại học	Toán - tin ứng dụng		Khá	Khác	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	30	83,00			83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
375	CS0375	Bùi Thị Phương	3/7/1993	Đại học	Văn học	Văn học	Trung bình	Khác	Xã Đông Bằng			Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	23	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
376	CS0376	Đặng Thị Minh Phương	21/3/1995	Đại học; Đại học	Sư phạm Toán học; Cử nhân toán học	Sư phạm Toán học; Cử nhân toán học	Giỏi; Giỏi	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	30	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
377	CS0377	Hoàng Doãn Phương	4/9/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	29	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
378	CS0378	Lê Thị Phương	26/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	42	23	65,00			65,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Âm nhạc		
379	CS0379	Nguyễn Thị Phương	18/11/1991	Đại học	Sư phạm Toán học	Toán	Khá	SP	Xã Ngọc Lâm			Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
380	CS0380	Nguyễn Thị Phương	10/03/1993	Đại học	Ngôn Ngữ học	Văn học	Khá	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	57	27	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
381	CS0381	Nguyễn Thị Lan Phương	17/4/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Vũ Phúc		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	23	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
382	CS0382	Nguyễn Thu Phương	14/8/2003	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Khá	SP	Xã Phụ Dực			Xã A Sào	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Vật lý))	45	25	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã A Sào - Khoa học tự nhiên - Vật lý	
383	CS0383	Phạm Thị Phương	1/6/1987	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Quỳnh An			Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
384	CS0384	Phạm Thị Thu Phương	6/2/2003	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
385	CS0385	Trần Thị Phương	8/8/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	26	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
386	CS0386	Trần Thị Phương	9/6/1994	Đại học	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Phường Trần Lâm			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	55	22	62,00	5	Con bệnh binh	67,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS phường Thái Bình - Giáo dục công dân	
387	CS0387	Trương Thị Minh Phương	25/09/1991	Cử nhân	Toán học	Toán học	Khá	Khác	Xã Đông Châu			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	28	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
388	CS0388	Vũ Thị Lan Phương	18/9/1989	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	47	23	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Khối THCS trong các trường TH và THCS phường Thái Bình - Mỹ thuật	
389	CS0389	Hà Thanh Phương	16/7/1989	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	60	28	90,00			90,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Châu - Toán		
390	CS0390	Nguyễn Thị Phương	15/08/1991	Đại học	Sư phạm Toán học	Toán	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	30	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
391	CS0391	Hà Việt Quang	25/12/2003	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	25	82,00	5	Dân tộc thiểu số (Sán diu)	87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
392	CS0392	Nguyễn Bá Quang	27/12/2002	Cử nhân	Ngôn Ngữ học	Ngôn Ngữ học	Khá	Khác		Xã Tân Tiến		Xã Bình Định	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	29	53,00			53,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
393	CS0393	Nguyễn Thu Quyên	29/04/2001	Đại học	Sư phạm Toán học	Toán	Khá	SP	Xã Nam Tiên Hưng			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	43	20	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
394	CS0394	Lê Quang Quyên	06/02/1993	Đại học	Giáo dục thể chất - Bóng Đá	Giáo dục thể chất	Khá	SP	Xã Phụ Dực			Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	47	22	66,00	5	Con bệnh binh	71,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Phụ Dực - Giáo dục thể chất		
395	CS0395	Bùi Thị Quỳnh	29/05/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		phường Thái Bình		xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	27	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

H.C.N  
SỞ  
O DƯ  
VÀ  
TẠ  
LUNG

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Số phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
396	CS0396	Đoàn Thị Quỳnh	10/06/1985	Đại học	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác		Xã Nguyễn Du	Xã Thân Khê		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	26	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
397	CS0397	Đỗ Thị Quỳnh	21/2/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	43	22	51,00			51,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
398	CS0398	Nguyễn Ngọc Quỳnh	18/9/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Xã Diên Hà		Xã Đông Tiến Hai (Không có chỉ tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	46	Miễn thi	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
399	CS0399	Nguyễn Như Quỳnh	14/4/1992	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	58	28	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
400	CS0400	Nguyễn Thị Quỳnh	3/12/1997	Cử nhân	Giáo dục công dân (chương trình đào tạo sư phạm)	Giáo dục công dân	Giỏi	SP	Phường Trần Lâm		Phường Vũ Phúc		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	55	30	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Giáo dục công dân		
401	CS0401	Phạm Thị Như Quỳnh	08/05/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Đông Tiến Hai	Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	27	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
402	CS0402	Phạm Thị Tú Quỳnh	25/1/2001	Đại học	Sư phạm Công nghệ	Sư phạm Công nghệ	Khá	SP	Xã Long Hưng			Xã Ngự Thiên	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	36	21	51,00			51,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Ngự Thiên - Công nghệ	
403	CS0403	Phạm Thị Thúy Quỳnh	14/12/1987	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Nam Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	29	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tiên Hưng - Toán		
404	CS0404	Phạm Thị Thúy Quỳnh	24/7/1990	Cử nhân	Sư phạm toán lý	Sư phạm toán lý	Giỏi	SP		Xã Vạn Xuân	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	30	94,00			94,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Toán		
405	CS0405	Phạm Thị Thúy Quỳnh	13/01/2002	Đại học	Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)	Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)	Giỏi	Khác	Xã Diên Hà			Xã Bắc Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
406	CS0406	Trần Thị Như Quỳnh	17/9/1997	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh - Biên, phiên dịch	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác		Xã Bắc Tiến Hưng	Xã Nam Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	45	Miễn thi	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
407	CS0407	Vũ Thị Thu Quỳnh	21/02/1987	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Phường Trần Lâm		Phường Vũ Phúc		Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	57	29	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Giáo dục công dân		
408	CS0408	Nguyễn Thị Sen	03/01/1993	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Khá	SP		Xã Trà Giang		Xã Hồng Vũ	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	53	20	53,00			53,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
409	CS0409	Vũ Thị Sen	29/05/1989	Đại học		Sư phạm Văn - Địa	Khá	SP		xã Tân Tiến	xã Tân Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	23	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tân Tiến - Ngữ văn		
410	CS0410	Nguyễn Thị Sim	15/06/1993	Cử nhân	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác		xã Bắc Đông Quan		xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	27	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
411	CS0411	Đào Thị Sinh	1/12/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	22	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
412	CS0412	Nguyễn Thị Soài	31/10/1988	Cử nhân	Cử nhân Toán học	Toán học	Khá	Khác		Xã Quỳnh An		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	87,00			87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
413	CS0413	Nguyễn Thanh Sơn	6/11/2002	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Nguyễn Du		Phường Trà Lý	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	50	28	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
414	CS0414	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/08/1985	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	Khác		Xã Vạn Xuân		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	59	28	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Công nghệ		
415	CS0415	Quần Thị Tâm	9/4/1990	Cử nhân	Ngữ văn	Ngữ văn	Khá	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	56	30	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
416	CS0416	Trần Thị Tâm	25/8/1988	Đại học	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
417	CS0417	Nguyễn Văn Tấn	26/10/1998	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Đông Tiến Hưng	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

VIỆT  
C  
EN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 2	Điểm môn nghệ vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
418	CS0418	Trần Thị Tân	20/5/1993	Đại học	Sư phạm Sinh-Hóa	Sư phạm Sinh-Hóa	Giỏi	SP		Xã Bình Thanh		Xã Đông Tiễn Hải	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	56	26	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bình Thanh - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
419	CS0419	Trần Thị Minh Tân	22/4/1995	Cư nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP	Phường Trần Lâm		Phường Trà Lý	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	54	26	82,00			82,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Giáo dục thể chất			
420	CS0420	Trần Thị Thanh Tân	28/11/1983	Đại học	Sư phạm tin học	Sư phạm tin học	Giỏi	SP		Xã Tân Thuận		Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	45	18	72,00	5	Con bệnh binh 2/3	77,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tân Thuận - Tin học		
421	CS0421	Nguyễn Minh Tiến	01/6/2000	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP	Xã Kiến Xương		Xã Vũ Thư	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	58	28	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Kiến Xương - Khoa học tự nhiên - Hóa học			
422	CS0422	Nguyễn Thị Tinh	30/3/1995	Cư nhân	Tin học sư phạm	Tin học sư phạm	Trung bình	SP		Xã Hồng Minh		Phường Trà Lý (Không có chi tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	55	22	81,00			81,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Hồng Minh - Tin học		
423	CS0423	Hoàng Thị Toan	22/06/1990	Đại học sư phạm toán	Toán		Khá	SP		Phường Thái Bình		Xã Đông Hưng (Không có chi tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	46	27	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
424	CS0424	Hà Quang Toàn	04/01/2000	Đại học	Công nghệ phần mềm	Công nghệ thông tin	Khá	Khác	Phường Trà Lý			Xã Hồng Minh	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	56	30	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
425	CS0425	Lai Văn Tôn	11/04/1994	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Trung bình	SP	Xã Diên Hà		Xã Bắc Tiễn Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
426	CS0426	Bùi Thanh Tú	20/11/2003	Cư nhân	Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Khá	SP	Xã Long Hưng		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	54	26	68,00	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	73,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Long Hưng - Giáo dục công dân			
427	CS0427	Nguyễn Văn Tuấn	03/09/1997	cư nhân	sư phạm và ngoại ngữ: ngôn ngữ Anh	ngôn ngữ anh	khá	Khác		Xã Tây Thụy Anh	Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
428	CS0428	Phạm Thanh Tuấn	22/12/1985	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	20	69,00	5	Là con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
429	CS0429	Phạm Thị Tuệ	01/05/1985	Cư nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác	xã Tân Tiễn		xã Nguyễn Du (Không có chi tiêu)	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	19	69,00	5	Dân tộc Tây - Mường (Mục 4 ghi)	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2		
430	CS0430	Lưu Thị Tuyền	15/09/1987	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Thái Bình	Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
431	CS0431	Vũ Thị Tuyền	28/07/1987	Cư nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP	xã Tân Tiễn		xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	21	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
432	CS0432	Hoàng Thị Tuyết	27/7/1991	Đại học	Sư phạm toán lý	Sư phạm toán lý	Khá	SP		Xã Tiễn Hưng	Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	19	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
433	CS0433	Nguyễn Thị Tuyết	4/1/1987	Cư nhân	Sư phạm Toán lý	Toán lý	Khá	SP		Xã Bắc Tiễn Hưng	Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	28	77,00	5	Con bệnh binh 2/3	82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
434	CS0434	Nguyễn Thị Tuyết	17/05/1992	Cư nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giỏi	SP		Xã Nam Thái Ninh	Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	57	29	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nam Thái Ninh - Khoa học tự nhiên - Hóa học			
435	CS0435	Nguyễn Thị Tuyết	4/11/1990	Đại học	Sư phạm KT thuật	Sư phạm KT thuật	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	57	24	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Công nghệ		
436	CS0436	Nguyễn Duy Tương	9/11/1986	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Thái Bình	Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	43	23	51,00			51,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
437	CS0437	Nguyễn Thị Thái	1/7/1991	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiễn Hưng	Xã Bắc Tiễn Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	30	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Tiễn Hưng - Toán			
438	CS0438	Đỗ Thị Hồng Thanh	10/1/1979	Đại học	Tin học	Tin học	Trung bình	Khác		Xã Vũ Thư		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	55	29	72,00	5	Con thương binh	77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
439	CS0439	Nguyễn Thị Thanh	12/3/1994	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Đông Châu		Xã Đông Tiễn Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	23	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghịệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
440	CS0440	Phan Thị Mai Thanh	19/11/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiền Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	28	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
441	CS0441	Đỗ Thế Thành	6/8/1983	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP		Xã Tây Thụy Anh	Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	75,00			75,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tây Thụy Anh - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
442	CS0442	Phạm Văn Thành	28/5/1997	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Thư Tri		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	23	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
443	CS0443	Vũ Văn Thành	21/12/2001	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An		Xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	20	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
444	CS0444	Đình Văn Thanh	19/11/1986	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	29	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
445	CS0445	Vũ Thị Thao	01/08/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán Lý	Sư phạm Toán Lý	Khá	SP		Xã Minh Thọ		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	30	83,00	5	Con đẻ người tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	88,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Minh Thọ - Toán		
446	CS0446	Đặng Thị Thảo	20/3/1989	Cư nhân; Thạc sĩ	Sư phạm Toán tin; Toán giải tích	Sư phạm Toán tin; Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	23	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
447	CS0447	Đỗ Thị Thảo	21/5/1985	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP	Xã Ái Quốc		Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	28	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
448	CS0448	Đỗ Thị Thảo	3/8/1997	Cư nhân; Thạc Sĩ	Sư phạm Ngữ văn; Lý luận & PPDH bộ môn Văn và Tiếng Việt	Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Tân Tiến		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	26	69,00			69,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
449	CS0449	Đỗ Thị Thảo	23/02/1984	Cư nhân	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác	xã Quỳnh An			xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	27	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
450	CS0450	Đỗ Thị Phương Thảo	08/03/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	27	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
451	CS0451	Đỗ Thị Phương Thảo	06/3/2000	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Quỳnh An		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	49	25	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
452	CS0452	Giang Thị Thảo	2/9/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Đông Tiền Hải	Xã Đông Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	30	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Đông Tiền Hải - Toán		
453	CS0453	Hoàng Thị Phương Thảo	24/03/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	30	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
454	CS0454	Hoàng Thu Thảo	29/3/2001	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
455	CS0455	Lê Thị Phương Thảo	17/11/2003	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP	Xã Hưng Hà		Phường Trần Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	55	30	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
456	CS0456	Nguyễn Hương Thảo	09/03/1985	Đại học	Văn học	Văn học	Khá	Khác	xã Bắc Đông Quan			xã Bình Định	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	30	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
457	CS0457	Nguyễn Thanh Thảo	01/02/2003	Cư nhân	Thế dục	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP	Xã Phụ Dực			Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	47	25	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Phụ Dực - Giáo dục thể chất	
458	CS0458	Nguyễn Thị Thảo	15/4/1998	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	26	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
459	CS0459	Phạm Thị Thảo	17/4/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Đông Tiền Hưng		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	16	59,00	5	Con thương binh loại 3/4	64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
460	CS0460	Phan Thị Thảo	1/3/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Phường Vũ Phúc		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	27	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Số phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi chuyên ngành vọng 1	Điểm môn nghệ vụ	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
461	CS0461	Phan Thị Phương Thảo	09/08/1999	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác		Xã Vạn Xuân	Xã Vũ Tiên		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
462	CS0462	Trần Thị Phương Thảo	12/09/1998	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Giỏi	SP		Xã Diên Hà		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
463	CS0463	Đỗ Thị Thắm	05/09/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Thư Trì		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	30	86,00			86,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
464	CS0464	Nguyễn Thị Thắm	08/11/1991	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
465	CS0465	Lê Thị The	3/2/1989	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Ngự Thiên		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	55	29	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Ngự Thiên - Ngữ văn		
466	CS0466	Đỗ Thị Thêu	27/10/1991	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	SP		Xã Vũ Tiên		Phường Trần Hưng Đạo	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	43	20	64,00			64,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Mỹ thuật		
467	CS0467	Bùi Sỹ Thiện	21/12/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	TB	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	15	52,00			52,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
468	CS0468	Trần Thị Thìn	1/6/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP		Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	28	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
469	CS0469	Nghiêm Thị Thoa	09/5/1983	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP		Xã Vũ Tiên		Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
470	CS0470	Nguyễn Thị Thoa	26/1/1988	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	SP		Xã Hưng Hà		Xã Bắc Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	58	24	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Trúng tuyển NV2 - Các trường THCS xã Bắc Tiên Hưng - Mỹ thuật	
471	CS0471	Trần Thị Thoa	06/11/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP		Xã Đông Châu		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
472	CS0472	Vũ Thị Kim Thoa	4/5/1985	Đại học	Ngữ văn	Ngữ văn	Khá	Khác		Xã Tân Tiến		Xã Đông Bằng	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	45	23	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
473	CS0473	Lê Thị Thoa	05/07/2003	Cử nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Đông Châu		Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	49	26	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
474	CS0474	Hoàng Văn Thống	3/12/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán lý	Sư phạm Toán lý	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	24	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
475	CS0475	Hà Thị Thơ	28/07/1990	cử nhân	sư phạm Tiếng Anh	sư phạm Tiếng Anh	khá	SP		Xã Vũ Tiên		Xã Nam Đông Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	81,00			81,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Tiên - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
476	CS0476	Nguyễn Thị Thơ	10/11/1988	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc		Xã Thư Trì	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	24	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
477	CS0477	Ngô Thị Thanh Thơm	02/10/1987	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	TB khá	Khác		Xã Hồng Minh		Xã Lê Quý Đôn	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	57	30	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
478	CS0478	Nguyễn Thị Thơm	6/9/1990	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	28	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
479	CS0479	Vũ Thị Thơm	11/02/1988	Cử nhân Đại học	Sư phạm kỹ thuật	Sư phạm kỹ thuật	Khá	SP		Phường Trần Hưng Đạo		Phường Trần Lâm	Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	52	27	80,00			80,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Công nghệ		
480	CS0480	Đàm Huệ Thu	10/06/1992	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Diên Hà		Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	28	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
481	CS0481	Đặng Thị Thu	10/9/1987	Kỹ sư		Tin học ứng dụng	Giỏi	Khác		Phường Trà Lý		Xã Lê Quý Đôn	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	49	26	58,00	5	Con bệnh binh 2/3, tỷ lệ suy giảm LD 61%	63,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
482	CS0482	Lê Hoài Thu	12/12/1985	Đại học	Cử nhân Sư phạm ngoại ngữ	Tiếng anh sư phạm	khá	SP		Xã Hưng Phú		Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Hưng Phú - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
483	CS0483	Trần Thị Thu	22/6/1987	Cử nhân	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Vũ Tiên	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	81,00	5	Con thương binh 1/4	86,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		

H.C.A  
 SỞ  
 O DƯ  
 VÀ  
 O TẠ  
 HUNG

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vọng 2	Điểm môn nghệ thuật chuyên ngành vọng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
484	CS0484	Trần Thị Thu	25/8/1988	Đại học	Sư phạm tiếng anh	Sư phạm tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Tiến Hải		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	58	Miễn thi	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiến Hải - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
485	CS0485	Trần Thị Diệu Thu	09/2/1984	Cư nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Mỹ thuật	Khá	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	42	16	43,00			43,00	Không đủ điều kiện		
486	CS0486	Lê Thanh Thủy	10/06/1990	Đại học	Sư phạm Văn Sư	Sư phạm Văn Sư	Khá	SP		xã Nguyễn Du		xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	26	69,00			69,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Ngữ văn		
487	CS0487	Sâm Thị Thủy	17/9/1988	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Trung bình khá	SP	Phường Trần Lâm		Xã Vũ Tiến		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	77,00	5	Dân tộc Tây	82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
488	CS0488	Đình Lê Thủy	24/02/2003	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	xã Tân Tiến		xã Đồng Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	17	54,00	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
489	CS0489	Đỗ Thị Thủy	17/04/1987	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP	Xã Phụ Dực			xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	50	29	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Phụ Dực - Ngữ văn		
490	CS0490	Vũ Thị Thủy	06/01/1988	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	59	28	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Diên Hà - Toán		
491	CS0491	Nguyễn Thị Thủy	3/2/1990	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP		Xã Nguyễn Du	Xã Ngự Thiên		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	24	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
492	CS0492	Nguyễn Thị Phương Thủy	18/7/1989	Cư nhân	Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đồng Châu			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	27	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
493	CS0493	Phạm Thị Thủy	16/4/1986	Cư nhân	Sư phạm văn sử	Sư phạm văn sử	Khá	SP	Xã Thán Khê			Xã Diên Hà	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	20	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
494	CS0494	Bùi Thị Thu Thủy	12/12/1992	Đại học		Sư phạm Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Đông Tiến Hải		Xã Đồng Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	44	21	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
495	CS0495	Đào Thị Thủy	19/12/2001	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Ngọc Lâm			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	26	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
496	CS0496	Đoàn Thị Thanh Thủy	21/12/1990	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc	Xã Đồng Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	23	69,00	5	Con thương binh 4/4	74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
497	CS0497	Hoàng Thị Thủy	24/6/1987	Đại học	Sư phạm Toán -Lý	Sư phạm Toán -Lý	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	27	74,00			74,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
498	CS0498	Lại Thị Thủy	20/11/1991	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Tiến Hưng			Xã Bắc Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	27	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
499	CS0499	Ngô Thị Thủy	26/5/1989	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Đồng Châu		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	28	84,00			84,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
500	CS0500	Nguyễn Thị Thủy	17/3/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đồng Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	25	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
501	CS0501	Nguyễn Thị Thủy	2/11/1992	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Đông Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	30	90,00			90,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Tiên Hưng - Toán		
502	CS0502	Nguyễn Thị Thủy	02/09/1988	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà			Xã Bắc Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	22	86,00			86,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Diên Hà - Toán		
503	CS0503	Nguyễn Thị Thủy	06/08/1985	Cư nhân	Văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	58	28	82,00	5	Con thương binh 41%	87,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
504	CS0504	Vũ Thị Thu Thủy	8/11/1988	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Diên Hà		Xã Nam Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	25	57,00			57,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
505	CS0505	Bùi Thị Thủy	5/9/1993	Đại học	Sư phạm Toán học - vật lý	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đồng Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	26	89,00			89,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đồng Châu - Toán		
506	CS0506	Đình Thị Thủy	13/10/1995	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Quỳnh An			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	25	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vọng 1	Số câu trả lời đúng phần thi chuyên ngành vọng 2	Điểm môn nghệ thuật	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
507	CS0507	Hoàng Thị Ngọc Thúy	20/08/1990	Cử nhân	Sư phạm Văn giáo dục công dân	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	SP		Xã Bình Nguyễn		Xã Bình Định	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục công dân)	52	28	68,00	5	Người dân tộc thiểu số (Tây)	73,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bình Nguyễn - Giáo dục công dân		
508	CS0508	Lê Thị Thúy	1/1/1989	Đại học	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP	Xã Nam Cường		Xã Nam Tiên Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	83,00			83,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
509	CS0509	Nguyễn Thị Thúy	1/8/1989	Đại học	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán	Khá	SP		Xã Bắc Đông Quan		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	51	27	63,00	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhầm chất độc hóa học	68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
510	CS0510	Nguyễn Thị Thúy	10/5/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Nguyễn Du	Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	27	79,00			79,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
511	CS0511	Nguyễn Thị Thúy	5/1/1987	Đại học	Cử nhân Văn học	Văn học	Khá	Khác		Xã Nguyễn Du		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	49	24	65,00	5	Con thương binh hạng 4/4	70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
512	CS0512	Nguyễn Thị Thúy	27/01/1985	Đại học	Cử nhân ngoại ngữ	tiếng anh	trung binh khá	Khác	Xã Bình Định		Xã Nam Tiên Hải	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	57	Miễn thi	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Bình Định - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			
513	CS0513	Phạm Thị Thúy	23/3/1981	Cử nhân tiếng anh sư phạm	Cử nhân tiếng anh sư phạm	Cử nhân tiếng anh sư phạm	Trung binh khá	SP		Xã Tây Thụy Anh	Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
514	CS0514	Phan Thị Thúy	21/9/1987	Cử nhân	Toán học	Sư phạm Toán	Trung binh khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Ai Quốc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	24	78,00			78,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
515	CS0515	Trần Thị Bích Thúy	2/9/1987	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Tiên Hưng		Xã Nam Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	27	80,00			80,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
516	CS0516	Phạm Tiến Thụy	28/09/1997	Đại học	SP Ngữ Văn	Ngữ văn	Khá	SP	Xã Tân Tiến		Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	47	16	45,00			45,00	Không đủ điều kiện			
517	CS0517	Đoàn Thị Thư	14/09/1995	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP	Xã Thư Trì		Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	30	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
518	CS0518	Nguyễn Minh Thư	27/01/2002	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	29	72,00			72,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
519	CS0519	Mai Xuân Thứ	10/9/1993	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	43	21	47,00			47,00	Không đủ điều kiện		
520	CS0520	Bùi Thị Thương	20/12/2000	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Xã Diên Hà		Xã Vũ Tiên	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	50,00			50,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
521	CS0521	Huỳnh Diệu Thương	20/6/1988	Đại học	Tiếng anh	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP		Xã Đông Tiên Hải	Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	56	Miễn thi	54,00			54,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
522	CS0522	Nguyễn Thị Minh Thương	06/06/1991	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	xã Tân Tiến		xã Nguyễn Du	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	27	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
523	CS0523	Phạm Thị Huyền Thương	15/6/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Vũ Phúc	Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	26	82,00	5	Con thương binh loại A, hạng 2/4	87,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS phường Vũ Phúc - Toán			
524	CS0524	Phan Văn Thương	10/12/1994	Cử nhân	SPToán - Li	SP toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Không ghi	Không ghi	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	76,00			76,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
525	CS0525	Đàm Thanh Trà	27/12/1985	Đại học	CNTT	CNTT	Trung binh khá	Khác	Xã Tân Tiến		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	34	16	38,00	5	Con thương binh 3/4, thương tật hạng 49%	43,00	Không đủ điều kiện			
526	CS0526	Cao Thị Trang	25/12/1999	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác		Xã Đông Thái Ninh	Xã Tây Thụy Anh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	50	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
527	CS0527	Đặng Quỳnh Trang	28/11/1996	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán; Toán ứng dụng	Sư phạm Toán; Toán ứng dụng	Khá	SP	Xã Thư Trì		Xã Bắc Đông Quan	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	54	30	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		
528	CS0528	Đỗ Thúy Trang	28/3/1998	Cử nhân	Văn học	Văn học	Giỏi	Khác	Xã Ngự Thiên		Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	52	24	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghịệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
529	CS0529	Hà Thị Trang	2/12/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Quỳnh An	Xã Phụ Dực		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	28	60,00	5	Con cán bộ thường binh loại A, thương tật hạng 4/4	65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
530	CS0530	Hoàng Thị Trang	11/02/1991	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	khá	SP		Xã Bình Định		Xã Bình Thanh	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	46	Miễn thi	65,00	5	Người dân tộc thiểu số (Tây)	70,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bình Định - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
531	CS0531	Khổng Thu Trang	01/07/1997	cư nhân	ngôn ngữ anh	ngôn ngữ anh	Trung bình	Khác	Phường Trần Lâm		Xã Nam Cường		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	54	Miễn thi	77,00			77,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
532	CS0532	Lê Huyền Trang	01/05/2000	Cư nhân	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	Khác	Phường Trần Lâm		Xã Vũ Tiên		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
533	CS0533	Nguyễn Minh Trang	24/10/1994	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP		Xã Quỳnh An		Xã Tiên Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	47	26	56,00			56,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
534	CS0534	Nguyễn Thị Trang	23/8/1990	Đại học	sư phạm tin học	sư phạm tin học	Khá	SP	Phường Trà Lý		Xã Long Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Tin học)	47	21	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
535	CS0535	Nguyễn Thị Kiều Trang	03/5/1987	Cư nhân; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Lý thuyết xác suất và thống kê	Sư phạm Toán học; Toán học	Trung bình khá	SP	Xã Quỳnh An		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	30	94,00			94,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Quỳnh An - Toán		
536	CS0536	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	22/1/1993	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung bình	SP	Xã Diên Hà		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	22	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
537	CS0537	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	16/7/1993	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Giỏi	SP	Xã Vũ Tiên		Xã Vạn Xuân		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	52	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
538	CS0538	Nguyễn Thị Thu Trang	26/10/2003	Đại học	Sư phạm công nghệ	Sư phạm công nghệ	Giỏi	SP	Xã Long Hưng		Xã Long Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	49	26	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
539	CS0539	Nguyễn Thị Thủy Trang	10/3/1989	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Âm nhạc)	59	27	76,00	5	Con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	81,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Tiên Hưng - Âm nhạc		
540	CS0540	Nguyễn Thủy Trang	3/2/2003	Đại học	Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	Khá	SP	Xã Vũ Quý		Xã Lê Lợi		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	50	28	59,00	5	Con bệnh binh 68% và thương binh 4/4 (tỷ lệ 31%)	64,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Vũ Quý - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
541	CS0541	Phạm Thị Thu Trang	28/6/1997	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Minh Thọ	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	48	24	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
542	CS0542	Trần Thị Huyền Trang	24/7/1986	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	22	61,00			61,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
543	CS0543	Trần Thị Thu Trang	17/09/1998	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán học	Giỏi	SP	Xã Diên Hà		Xã Nam Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	18	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
544	CS0544	Trần Thị Thủy Trang	27/3/2003	Cư nhân	Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học	Khá	SP	Phường Trần Hưng Đạo		Xã Vũ Quý		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	52	24	77,00			77,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Khoa học tự nhiên - Sinh học		
545	CS0545	Vũ Hồng Trang	16/6/2000	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khá	Khác	Phường Trần Lâm		Xã Vũ Tiên		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	52	Miễn thi	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
546	CS0546	Vũ Thị Trang	25/11/1987	Đại học; Đại học	Giao ước chính trị; Sư phạm Tin học	Giao ước chính trị; Sư phạm Tin học	Khá; TB khá	SP	Phường Trần Lâm		Phường Thái Bình		Giáo viên THCS hạng III (Giao ước công dân)	49	24	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
547	CS0547	Vũ Thị Thu Trang	28/01/2001	Đại học	Cư nhân	Toán học	Trung bình	Khác		Phường Thái Bình		Xã Đồng Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	29	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
548	CS0548	Vũ Thị Thủy Trang	23/9/1989	Đại học	Tiếng anh sư phạm	Tiếng anh sư phạm	Khá	SP		Xã Bắc Tiên Hưng		Xã Vạn Xuân	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	55	Miễn thi	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Bắc Tiên Hưng - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
549	CS0549	Vũ Thiên Trang	22/3/1990	Cư nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Mỹ thuật	Khá	SP	Xã Hưng Hà		Xã Lê Quý Đôn		Giáo viên THCS hạng III (Mỹ thuật)	53	24	74,00			74,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Hưng Hà - Mỹ thuật		



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển						Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghệ thuật chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải	Tổng điểm			
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
550	CS0550	Vũ Thành Trung	24/8/2003	Cư nhân	Sư phạm Địa lý	Địa lý	Khá	SP	Phường Trần Lâm		Phường Thái Bình		Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Địa lý))	53	20	70,00			70,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Lâm - Lịch sử và Địa lý - Địa lý		
551	CS0551	Trần Thị Út	18/3/1992	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Đông Tiến Hai	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	60	Miễn thi	88,00			88,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Cường - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
552	CS0552	Lê Phương Uyên	30/12/2003	Cư nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trung bình	SP		Xã Đông Tiến Hải	Phường Trần Hưng Đạo		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Sinh học))	50	29	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
553	CS0553	Nguyễn Thị Uyên	28/09/2000	Đại học	biên dịch ngôn ngữ anh	ngôn ngữ anh	khá	Khác		Xã Bắc Tiến Hưng	Xã Nam Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	70,00			70,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
554	CS0554	Nguyễn Thị Thu Uyên	14/08/2003	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Phụ Dực			Xã Quỳnh An	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	24	83,00			83,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Phụ Dực - Toán		
555	CS0555	Dương Thị Vân	28/3/1993	Đại học	Toán học	Toán học	Khá	Khác		Xã Tiên Hưng		Xã Đông Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	29	90,00			90,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
556	CS0556	Hoàng Thị Vân	5/10/1989	Đại học	Sư phạm song ngữ Trung-anh	Sư phạm song ngữ Trung-anh	Trung bình khá	SP	Xã Nam Cường			Xã Hưng Phú	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	51	Miễn thi	62,00	5	Con liệt sĩ	67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
557	CS0557	Nguyễn Thị Vân	20/4/1994	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Phường Thái Bình		Phường Vũ Phúc	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	26	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
558	CS0558	Nguyễn Thị Vân	21/5/1991	Cư nhân		Văn học	Khá	Khác	Xã Tân Tiến			Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	51	23	65,00			65,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
559	CS0559	Nguyễn Thị Vân	9/01/1990	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Phường Trần Lâm			Xã Vũ Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	59	Miễn thi	81,00			81,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
560	CS0560	Nguyễn Thị Vân	13/02/1991	Cư nhân	Sư phạm Tiếng anh	Sư phạm Tiếng anh	Khá	SP	Xã Nam Tiến Hải			Xã Nam Cường	Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	53	Miễn thi	78,00			78,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Nam Tiến Hải - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
561	CS0561	Trần Thị Vân	27/6/1994	Cư nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP		Xã Vạn Xuân		Xã Tân Thuận	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	52	22	64,00			64,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Vạn Xuân - Giáo dục thể chất		
562	CS0562	Vũ Thị Vân	20/1/1988	Đại học (liên thông từ trình độ Cao đẳng)	Sư phạm Toán học - vật lý	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Ái Quốc			Xã Đông Châu	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	21	71,00			71,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
563	CS0563	Trần Tiến Việt	26/04/1988	Cư nhân	ngành toán học	ngành toán học	Khá	Khác		Phường Thái Bình		Xã Nam Tiến Hưng	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	26	60,00			60,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
564	CS0564	Lê Bảo Việt	29/9/1994	Cư nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu			Xã Đông Tiến Hải	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	56	27	73,00			73,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
565	CS0565	Phan Thế Vinh	1/2/1988	Đại học	Sư phạm thể dục thể thao	Giáo dục thể chất	Giỏi	SP	Phường Trần Hưng Đạo			Xã Phụ Dực	Giáo viên THCS hạng III (Giáo dục thể chất)	55	27	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Trần Hưng Đạo - Giáo dục thể chất		
566	CS0566	Cao Thị Vinh	22/9/1991	Cư nhân	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP	Xã Ngự Thiên			Xã Thần Khê	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	24	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
567	CS0567	Hoàng Long Tiến Vũ	21/11/2003	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Khá	SP		Xã Nguyễn Du		Xã Nam Thái Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	51	22	63,00			63,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Nguyễn Du - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
568	CS0568	Đặng Thị Vui	22/01/1996	Cư nhân	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP		Xã Phụ Dực	Xã Phụ Dực		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	57	24	68,00			68,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
569	CS0569	Đoàn Thị Vui	17/4/1997	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học; LL&PPDH hoá học	Sư phạm Hóa học; LL&PPDH hoá học	Giỏi	SP	Xã Thư Vũ			Xã Thư Vũ	Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	57	29	84,00			84,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Thư Vũ - Khoa học tự nhiên - Hóa học		
570	CS0570	Đỗ Thị Vui	20/10/1993	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Khá	SP	Xã Ái Quốc			Phường Thái Bình	Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	22	73,00			73,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Ái Quốc - Toán		
571	CS0571	Trần Thị Vui	12/4/1986	Đại học	Văn học	Văn học	Khá	Khác	Xã Ngự Thiên			Xã Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	54	25	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	

H.C.N VIỆN  
Đ  
DỤC  
4  
TẠO  
G YÊN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quá trình đào tạo				Sư phạm	Đơn vị đăng ký dự tuyển				Vị trí việc làm	Kết quả thi tuyển					Xét nguyện vọng 1 (Dự kiến)	Xét nguyện vọng 2 (Dự kiến)	Ghi chú	
				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2			Số câu trả lời đúng phần thi Kiến thức chung vòng 1	Số câu trả lời đúng phần thi Ngoại ngữ vòng 1	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2	Điểm ưu tiên	Diễn giải				Tổng điểm
									Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS	Các trường THCS	Khối THCS trong các trường TH và THCS										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
572	CS0572	Đỗ Thị Thanh Xuân	12/2/1987	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP	Xã Đông Châu		Xã Ái Quốc		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	55	26	82,00			82,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
573	CS0573	Vũ Thị Xuân	18/3/1991	Cử nhân	Tiếng anh	Tiếng anh	Khá	Khác	Xã Nam Tiến Hải		Xã Hưng Phú		Giáo viên THCS hạng III (Tiếng Anh)	50	Miễn thi	62,00			62,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
574	CS0574	Trần Thị Xuyên	19/9/1991	Cử nhân	Sư phạm Văn sử	Sư phạm Văn sử	Khá	SP	Xã Tân Tiến		Xã Đông Bằng		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	53	21	59,00			59,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
575	CS0575	Bùi Thị Yến	16/10/1990	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP	Xã Đông Châu		Xã Quỳnh An		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	58	25	75,00			75,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
576	CS0576	Đình Thị Yến	03/03/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán - Li	Toán - Li	Khá	SP	Xã Bắc Tiến Hưng		Xã Diên Hà		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	52	29	85,00			85,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
577	CS0577	Đỗ Thị Hải Yến	17/6/2002	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	SP	Xã Ngự Thiên		Xã Tiên Hưng (Không có chỉ tiêu)		Giáo viên THCS hạng III (Ngữ văn)	48	28	64,00			64,00	Không trúng tuyển NV1	Không xét NV2	
578	CS0578	Lê Bảo Yến	3/3/2002	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Giỏi	SP		Xã Diên Hà	Xã Thư Trì		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	50	28	Vắng			Vắng	Không đủ điều kiện		
579	CS0579	Nguyễn Thị Yến	12/2/2003	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Khá	SP	Xã Đông Hưng		xã Bắc Đông Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Lịch sử và Địa lý (chuyên ngành Lịch sử))	57	26	76,00			76,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS xã Đông Hưng - Lịch sử và Địa lý - Lịch sử		
580	CS0580	Phạm Hải Yến	20/03/1998	Đại học	Sư phạm Toán	Toán	Giỏi	SP		Xã Bắc Tiến Hưng	Xã Đông Tiến Hưng		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	48	23	67,00			67,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
581	CS0581	Trần Thị Yến	9/2/1986	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật	Sư phạm Kỹ thuật	Trung bình khá	SP	Phường Vũ Phúc		Xã Thư Vũ		Giáo viên THCS hạng III (Công nghệ)	55	27	72,00			72,00	Trúng tuyển NV1 - Các trường THCS phường Vũ Phúc - Công nghệ		
582	CS0582	Vũ Thị Yến	23/5/1992	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Khá	SP		Xã Bắc Tiến Hưng	Xã Ngọc Lâm		Giáo viên THCS hạng III (Toán)	53	29	66,00			66,00	Không trúng tuyển NV1	Không trúng tuyển NV2	
583	CS0583	Vũ Thị Hải Yến	24/8/2003	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Giỏi	SP		Xã Quỳnh An	Xã Hưng Hà		Giáo viên THCS hạng III (Khoa học tự nhiên (chuyên ngành Hóa học))	54	24	71,00			71,00	Trúng tuyển NV1 - Khối THCS trong các trường TH và THCS xã Quỳnh An - Khoa học tự nhiên - Hóa học		